

QUỸ ETF FPT CAPITAL VNX50
được quản lý bởi
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư FPT
FPT CAPITAL VNX50 ETF
managed by
FPT Fund Management JSC

Số/No.: 1408.02/2024/CV_FPTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024
Ha Noi, August 14, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

1. Tên Công ty Quản lý Quỹ/ *Name of FMC*: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT/ *FPT Fund Management Joint Stock Company*

- Tên quỹ ETF niêm yết/ *Name of listed fund*: **Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50/ *FPT CAPITAL VNX50 ETF***

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: **FUEFCV50**

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội/ *Floor 7, 17-storey block, FPT Tower, 10 Pham Van Bach Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi city*

- Điện thoại/ *Tel*: (84) 24 – 7300 1313

- Email: etffcapvnx50@fpt.com

Website: <https://fptcapital.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bán niên năm 2024/ *Report on Management operations of FPT CAPITAL VNX50 ETF in the first half of 2024*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://fptcapital.com.vn/> / *This information was published on the company's/the Fund's website on 14/08/2024, as in the link: https://fptcapital.com.vn/*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attachment*:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bán niên năm 2024/ *Report on Management operations of FPT CAPITAL VNX50 ETF in the first half of 2024.*

Người được ủy quyền công bố thông tin

Publisher

NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ:

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ FPT Capital/FPT Capital Management Fund Company ("FPT Capital")

- Tên Quỹ ETF niêm yết/Fund name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50 do HOSE và HNX xây dựng Quy tắc chỉ số, HOSE quản lý chỉ số hàng ngày như được mô tả chi tiết tại Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ (04/04/2023) và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Danh mục chỉ số VNX50

Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong VNX50 tại ngày 30/06/2024 như sau:

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
ACB	2,52	NLG	0,66
CTG	1,39	NVL	0,11
DCM	0,87	PDR	1,12
DGC	1,96	PNJ	3,83
DIG	0,64	POW	0,60
DPM	0,87	PVD	0,69
EIB	0,89	PVS	0,98
FPT	13,83	SHB	1,08
FRT	1,42	SHS	0,67
GEX	1,06	SSI	4,08
GMD	0,66	STB	1,15

Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
HCM	0,70	TCB	3,74
HDB	2,12	TPB	5,75
HPG	3,74	VCB	4,03
HSG	0,99	VCG	0,49
HUT	0,14	VCI	0,74
IDC	0,96	VHC	0,67
KBC	1,16	VHM	1,51
KDC	0,48	VIB	1,01
KDH	1,63	VIC	3,30
LPB	3,35	VJC	2,44
MBB	2,05	VND	0,68
MSB	1,15	VNM	5,25
MSN	2,99	VPB	0,75
MWG	5,00	VRE	1,64

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Được quy định theo Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Theo đó, lợi nhuận có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 5.700.000 Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”)

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/Điều lệ trong kỳ báo cáo (nếu có): Không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có): Thông qua Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch; Thông qua số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ là 3; Bầu Ban đại diện Quỹ, Thông qua mức thù lao Ban đại diện Quỹ; Thông qua Ngân hàng Giám sát của Quỹ là BIDV chi nhánh Hà Thành; Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư Thường niên của Quỹ được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán cho Quỹ.

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT đã tuân thủ đúng các quy định về hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ ETF FPT Capital VNX50

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán):

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30/06/2024 (%)	Tại ngày 30/06/2023 (%)	Tại ngày 30/06/2022 (%)
--------------------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

Danh mục cổ phiếu	99,05	98,55	(*)
Tài sản khác	0,95	1,45	(*)
Cộng	100,00	100,00	(*)

Ngành (%NAV)	Tại ngày 30/06/2024 (%)	Tại ngày 30/06/2023 (%)	Tại ngày 30/06/2022 (%)
Tài chính	37,84	39,32	(*)
Bất động sản	12,86	17,24	(*)
Tiêu dùng	9,39	11,94	(*)
Công nghệ	13,83	8,24	(*)
Bán lẻ	10,24	7,74	(*)
Công nghiệp	1,73	6,18	(*)
Hàng không	2,44	2,71	(*)
Dầu khí	1,67	2,35	(*)
Tiện ích	0,60	1,26	(*)
Hoá chất	3,70	1,22	(*)
Xây dựng và vật liệu	0,49	0,35	(*)
Tài sản khác	0,49	1,45	(*)
Tổng	100,00	100,00	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

STT	Nội dung	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2022
1	Giá trị tài sản ròng (VNĐ)	71.148.006.639	62.427.180.673	(*)
2	Giá trị tài sản ròng trên 1 lô CCQ (VNĐ)	1.248.210.642	1.040.453.011	(*)
3	Giá trị tài sản ròng/một đơn vị (CCQ) đang lưu hành	12.482,10	10.404,53	(*)
4	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) đang lưu hành	5.700.000	6.000.000	(*)
5	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm (VNĐ)	13.005,31	10.569,45	(*)
6	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm (VNĐ)	10.981,08	9.533,95	(*)
7	Tổng thu nhập của quỹ (VNĐ), trong đó:	9,153,917,406	2.795.380.800	(*)
	- Thu nhập/lỗ từ sự tăng/giảm giá chứng	8.311.701.435	2.118.107.750	(*)

	khoản (VNĐ)			
	- Lãi/lỗ các khoản đầu tư (VNĐ)	185.290.115	(101.900.000)	(*)
	- Thu nhập thu được từ lợi tức chứng khoán (VNĐ)	656.084.600	778.500.000	(*)
	- Tiền lãi được nhận (VNĐ)	841.256	673.050	(*)
8	Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (VNĐ)	-	-	(*)
9	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,96%	2,56%	(*)
10	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%)	2,83%	6,43%	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ bán niên năm 2022

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: Không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Nội dung	01/01/2024 – 30/06/2024	04/04/2023 – 30/06/2023	01/01/2022 – 31/12/2022
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN trong kỳ (VNĐ)	8.484.651.769	2.427.180.673	(*)

(*) Quỹ được cấp phép thành lập ngày 04/04/2023 nên không có số liệu tại kỳ năm 2022

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Không có

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

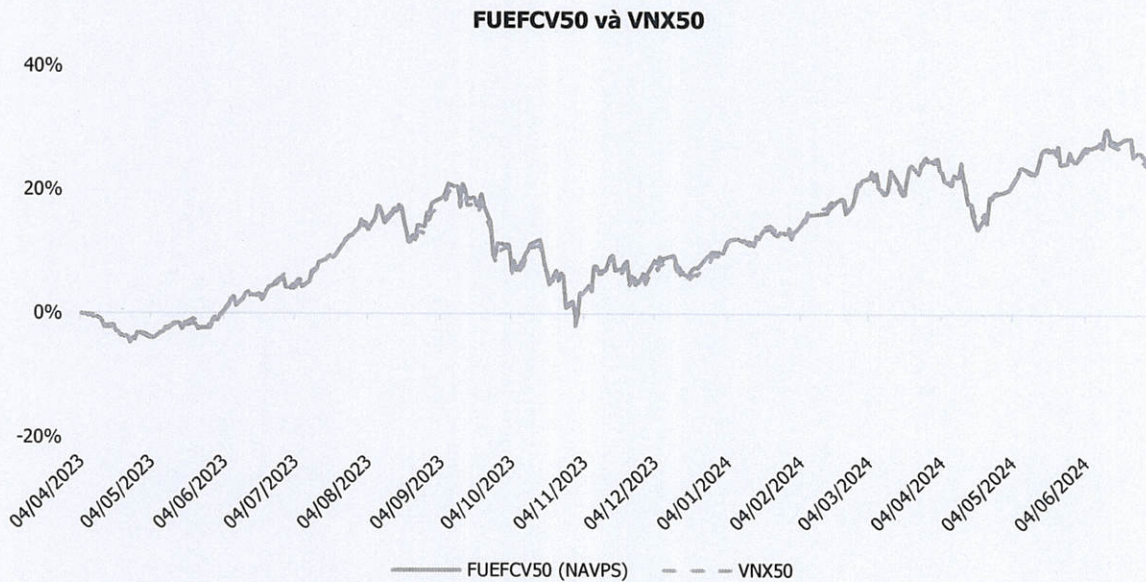
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VNX50. Từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập Quỹ đến khi kết thúc tháng 06/2023, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,35%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK vào ngày 04/04/2023, do đó dữ liệu được tính từ

ngày 04/04/2023.



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 45/GCN-UBCK vào ngày 04/04/2023, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ phải phù hợp với danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định và bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của Pháp Luật.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2024 có thay đổi nhẹ so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2023 khi tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu tăng 0,5% từ 98,55% lên 99,05%.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2024 của Quỹ là 12.482,10

đồng tăng 19,97% so với giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2023 là 10.404,53 đồng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Tính từ thời điểm quỹ niêm yết đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đã lạc quan hơn rất nhiều so với những gì diễn ra trước đây. Các doanh nghiệp sau thời gian dài gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh đến từ lãi suất cao, hoạt động kinh tế chậm lại đáng kể thì cũng đã có nhiều hơn những tín hiệu tích cực đến từ kết quả kinh doanh.

Mặc dù môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, lãi suất vẫn được duy trì ở mức thấp nhưng thị trường chứng khoán vẫn đang gặp phải áp lực bán lớn từ khối ngoại với mức bán ròng trên đạt 51.000 tỷ đồng, xấp xỉ 2 tỉ USD. Tổng mức bán ròng của khối ngoại nửa đầu năm 2024 đã gần gấp đôi so với cả năm 2023.

Tâm lý nhà đầu tư dần được cải thiện trong 6 tháng đầu năm 2024 với việc môi trường kinh doanh đã được cải thiện đáng kể so với năm 2024 cùng kỳ vọng hồi phục ở nhiều nhóm ngành bắt đầu rõ ràng hơn. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, giá trị giao dịch bình quân đạt 24.598 tỷ đồng/phiên, tăng 39,9% so với bình quân năm 2023. Đáng chú ý, tính đến hết tháng 6/2024, thị trường có hơn 8 triệu tài khoản của nhà đầu tư, tăng 10,32% so với cuối năm 2023.

Tổng sản phẩm quốc nội ("GDP") của Việt Nam tăng 6,93% trong quý 2 năm 2023, đưa tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm lên 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 7,99% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2024. Nếu tính riêng tháng 6, các số liệu kinh tế có mức độ cải thiện tích cực so với tháng 5. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) cũng tăng 9% so với tháng 5/2024, ở mức 10,9 điểm. So với cùng kỳ năm ngoái, IIP đã tăng trưởng 10,9%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá ước đạt 63,24 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại trở lại thặng dư ở mức 3,06 tỷ USD. Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global trong tháng 6 bật tăng mạnh, ở mức 54,7 điểm, cao nhất trong 1 năm trở lại đây. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước tăng 9,1% so với cùng kỳ 2023 và 8,6% tính từ đầu năm, duy trì được mức tăng ổn định từ đầu năm 2024. Lạm phát vẫn được kiểm soát tốt với Chỉ số giá tiêu dùng CPI (6/2024) tăng 0,16% so với tháng trước, tuy nhiên nếu so với cùng kỳ năm trước thì CPI vẫn duy trì trên mức 4% khi đạt 4,34%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF FPT Capital VNX50 với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): Không có

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ, bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy

định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch:

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

Đối với Quỹ ETF FPT Capital VNX50, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng
- Đại lý phân phối kiêm Thành viên lập quỹ:
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (MAS)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (DNSE)

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán;

Chỉ tiêu	Chi phí 6 tháng năm 2024 (VNĐ)	Tỷ lệ so với Lợi nhuận (%)	Tỷ lệ so với Thu nhập (%)	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động Quỹ (%)
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	1,2%	1,1%	14,9%
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	33.000.000	0,4%	0,4%	5,0%
Giá dịch vụ giao dịch trả đại lý phân phối	-	-	-	-
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	132.000.000	1,6%	1,5%	19,8%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản): Không có

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/công

ty đầu tư chứng khoán: chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): trình bày tại mục 5.a


đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, ..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 



Nguyễn Thị Thu Nguyệt

